|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐH LẠC HỒNG**  **Khoa Dược**  02%20LOGO%20KHOA%20DUOC%20-%20trang%20den | QUY TRÌNH THAO TÁC CHUẨN | **Trang**:1/2 |
| **XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG CÂU HỎI, THỜI GIAN THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT** | **Mã số:**  KD-ĐBCL-02 |
| **Bộ phận:** Đảm bảo chất lượng | **Lần ban hành: 01**  **Ngày ban hành:** 01/2015 |

**Kiểm tra**

Ngày …/…/…

Ths. Đinh Thị Thúy Hà

**Phê duyệt**

Ngày …/…/…

TS. Nguyễn Tài Chí

**Soạn thảo**

Ngày …/…/…

DS. Hoàng Đức Thuận

**Nơi nhận:**

* Các bộ môn;
* Bộ phận đảm bảo chất lượng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐH LẠC HỒNG**  **Khoa Dược**  02%20LOGO%20KHOA%20DUOC%20-%20trang%20den | QUY TRÌNH THAO TÁC CHUẨN | **Trang**:2/2 |
| **XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG CÂU HỎI, THỜI GIAN THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT** | **Mã số:**  KD-ĐBCL-02 |
| **Bộ phận:** Đảm bảo chất lượng | **Lần ban hành: 01**  **Ngày ban hành:** 01/2015 |

# MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Đảm bảo chuẩn hóa việc thống nhất số lượng câu hỏi, thời gian thi kết thúc học phần lý thuyết của các bộ môn (BM) ;

Hình thức đề thi có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận). Thông thường, khuyến khích chọn hình thức trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp câu hỏi trả lời ngắn.

# PHẠM VI ỨNG DỤNG

S.O.P này áp dụng cho việc soạn đề thi kết thúc học phần lý thuyết của chương trình đào tạo dược sĩ đại học (chính quy, liên thông, văn bằng 2)

# ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

Ban chủ nhiệm, giáo vụ, giảng viên các BM tại Khoa Dược.

# CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

**Giảng viên phụ trách môn học** (hay ủy quyền giáo vụ bộ môn)**:** quyết định hình thức đề thi, số lượng câu hỏi, thời gian làm bài, điểm số

**A. Đối với đề thi dạng trắc nghiệm**

***Số lượng câu hỏi, thời gian làm bài (45 giây/câu)***

* Học phần 01 tín chỉ (15 tiết)
  + - Tổng số câu hỏi : 30 - 40 câu.
    - Thời gian làm bài tương ứng : 20 - 30 phút
    - Điểm số chấm bài : 01 điểm/01câu.
* Học phần 02 tín chỉ (30 tiết)
  + - Tổng số câu hỏi : 60 - 80 câu.
    - Thời gian làm bài tương ứng : 45 - 60 phút.
    - Điểm số chấm bài : 01 điểm/01câu.
* Học phần 03 tín chỉ (45 tiết)
  + - Tổng số câu hỏi : 80 - 100 câu.
    - Thời gian làm bài tương ứng : 60 - 75 phút.
    - Điểm số chấm bài : 01 điểm/01câu.
* Học phần 04 tín chỉ (60 tiết)
  + - Tổng số câu hỏi : 100-120 câu.
    - Thời gian làm bài tương ứng : 75 - 90 phút.
    - Điểm số chấm bài : 01 điểm/01câu.

***Qui đổi điểm số theo thang 10***

Qui đổi 60 % tổng số điểm của bài thi # 5 điểm theo thang điểm 10.

**B. Đối với đề thi dạng kết hợp** (không khuyến khích)

***Thời gian làm bài***

* Học phần 1 tín chỉ: 40 phút
* Học phần 2 tín chỉ: 75 phút
* Học phần 3 tín chỉ: 90 phút
* Học phần 4 tín chỉ: 100 phút

***Tỷ lệ câu hỏi trắc nghiệm và tự luận***

* Trọng số điểm của phần trắc nghiệm chiếm : 60 - 70 %
* Trọng số điểm của phần tự luận chiếm : 30 - 40 %

***Tổng số câu hỏi thi:***

* Số câu hỏi thi tổng cộng = số câu hỏi trắc nghiệm + số câu hỏi thi tự luận
* Số câu hỏi trắc nghiệm được quy đổi theo thời gian làm trắc nghiệm như nêu ở mục **4.A**
* Số câu hỏi tự luận không qui định cụ thể số câu như phần thi trắc nghiệm, tuy nhiên phải đảm bảo trọng số điểm phần này không vượt quá 40% và đảm bảo tổng thời gian làm bài không vượt quá thời gian như đã nêu ở mục **4.B**

***Điểm số bài thi:***

* Điểm số bài thi = điểm tự luận + điểm phần thi trắc nghiệm
* Điểm trắc nghiệm mỗi câu trả lời đúng được cho 1 điểm
* Điểm tự luận mỗi câu đúng do Bộ môn quyết định
* Điểm qui đổi thang điểm 10: giống như phần đề thi trắc nghiệm

***Qui đổi điểm sang thang điểm 10***

* Qui đổi 60 % tổng số điểm của bài thi # 5 điểm theo thang điểm 10.

**C. Đối với đề thi tự luận (Câu hỏi ngắn)**

Tham khảo theo thời gian làm bài như đã nêu ở mục **4.A** và trọng số cho các loại câu hỏi theo thang phân loại Bloom

**D. Đối với đề thi theo các dạng khác**

Theo quy định của Chủ nhiệm BM nhưng phải đảm bảo hình thức thi này **đáp ứng các yêu cầu của đề thi** như đã nêu ở mục **I**

# GHI CHÚ SỬA ĐỔI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày sửa đổi | Lý do sửa đổi | Ngày ban hành lại | Ghi chú |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |